

Số : 945 /QB-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng GTVT miền Trung  
đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Chương trình hành động của Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải (số 302-CTr/BCSD ngày 18/11/2013) thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng GTVT miền Trung tại Tờ trình số 141/TTr-CDGTVTMT ngày 21 tháng 3 năm 2014 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng GTVT miền Trung đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng GTVT miền Trung đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung cơ bản như sau:**

**I. QUAN ĐIỂM**

1. Phát triển Trường Cao đẳng GTVT miền Trung đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm cụ thể hóa chủ trương đổi mới của Đảng; các chính sách của Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo vào công tác đào tạo nguồn nhân lực của Trường, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011–2020, Chiến lược phát triển

Giao thông vận tải đến 2020 và tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020.

2. Đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, ngoại ngữ, tin học; có kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo thích ứng với biến đổi của cơ chế thị trường; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, có ý thức công dân, góp phần làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên có học hàm, học vị, kỹ năng thực hành thành thạo, chuyên gia đầu ngành các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ coi đó là vấn đề cốt lõi cho phát triển bền vững và lâu dài của Nhà trường.

4. Phát triển đồng bộ các yếu tố đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại, phù hợp với quy mô, cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề đào tạo trên cơ sở đảm bảo chất lượng và hiệu quả, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng. Thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục Nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

5. Đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác quốc tế về đào tạo, từng bước tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến hiện đại trong khu vực và thế giới để phát triển nhà trường.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng GTVT miền Trung trở thành Trường Đại học GTVT miền Trung vào năm 2020; là cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo định hướng ứng dụng, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có khẳng định thương hiệu và uy tín, đào tạo nhân lực có chất lượng cao, góp phần bổ sung nguồn nhân lực cho ngành Giao thông vận tải và các thành phần kinh tế khác, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

#### **a) Quy mô, ngành nghề đào tạo**

Duy trì, phát triển đào tạo các ngành nghề truyền thống ở các hệ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và sơ cấp nghề. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội; tăng cường liên kết với các đơn vị sản xuất trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong nước và xuất khẩu lao động. Mở rộng quy mô đào tạo cao đẳng chuyên nghiệp theo hướng chuyên

sâu, ứng dụng nghề nghiệp; tăng cường hợp tác đào tạo liên thông, liên kết; nâng cao dần tỷ lệ tham gia của trường trong hợp tác đào tạo liên thông, liên kết nhằm chủ động nắm bắt được toàn bộ nội dung, chương trình đào tạo ở các cấp cao hơn phục vụ lộ trình thành lập và phát triển trường Đại học GTVT miền Trung.

*(Danh mục các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo đến năm 2020 theo Phụ lục 01 kèm theo).*

### **b) Cơ cấu tổ chức**

Kiến toàn cơ cấu tổ chức và bộ máy của Trường theo hướng chuyên nghiệp, có bộ máy hành chính gọn nhẹ, hiệu quả. Hoàn thiện và thành lập mới các khoa, bộ môn, một số trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ chuyên ngành và trung tâm dịch vụ, tư vấn để đáp ứng nhu cầu phát triển đào tạo của Trường và phục vụ cho nhu cầu xã hội.

*(Cơ cấu tổ chức đến năm 2020 theo Phụ lục 02 kèm theo).*

### **c) Xây dựng đội ngũ**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đạt các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực và phẩm chất. Cơ cấu đội ngũ cán bộ hợp lý, trong đó đội ngũ giảng viên cơ hữu là lực lượng chính, chiếm từ 58% tổng biên chế hiện tại lên 70% đến năm 2020. Bảo đảm tỷ lệ HSSV/giáo viên hợp lý theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Có chính sách để thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, ngoại ngữ, tin học và tạo những điều kiện thuận lợi để cán bộ giảng dạy phát huy trí tuệ, năng lực, và kinh nghiệm của mình trong quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và tham gia quá trình hội nhập quốc tế. Hoàn thiện cơ cấu cán bộ quản lý và giáo viên từ việc đạt chuẩn của một trường Cao đẳng từng bước đạt chuẩn của một trường Đại học, nâng số giảng viên có trình độ thạc sĩ hiện tại 49% lên trên 70% vào năm 2020, trong đó mỗi chuyên ngành đào tạo có ít nhất 1-2 tiến sĩ.

Cơ cấu đội ngũ đến năm 2020 như sau:

Định biên (vị trí việc làm): 239 người

Số lượng giảng viên: 167 người (70% định biên)

Thạc sĩ: 117 người (70% số lượng giảng viên)

Tiến sĩ: 10 người

Tương quan giữa quy mô đào tạo và đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức nhà trường được theo Phụ lục số 03 kèm theo.

#### **d) Chương trình, giáo trình đào tạo**

##### *- Về chương trình đào tạo:*

+ Thực hiện việc định kỳ rà soát, cập nhật và chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo 2 năm một lần theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cập nhật nội dung chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng tiên tiến có tham khảo chương trình, giáo trình đào tạo của các trường trong nước và quốc tế.

+ Chuẩn hóa toàn bộ chương trình đào tạo theo tín chỉ đảm bảo tính liên thông dọc giữa các bậc đào tạo và liên thông ngang giữa các ngành, nhóm ngành đào tạo; giảm bớt thời lượng lý thuyết, tăng tỷ lệ thực hành.

##### *- Về giáo trình giảng dạy:*

Phấn đấu đến năm 2020, 100% môn học thuộc các ngành đào tạo hệ cao đẳng đều có giáo trình giảng dạy đạt chuẩn; năm 2020 khi bắt đầu đào tạo đại học, nhà trường sẽ thực hiện việc lựa chọn giáo trình đã có từ các trường cùng ngành nghề đào tạo trong nước và ngoài nước, tiến hành thẩm định và đưa vào sử dụng.

#### **đ) Cơ sở vật chất**

Tăng cường phát triển cơ sở vật chất nhà trường để đến trước năm 2020 trường có cơ sở vật chất kỹ thuật cơ bản đáp ứng các tiêu chí của một trường đại học kỹ thuật GTVT với quy mô đào tạo trên 4.000 sv/năm. Phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất của Trường đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

*(Nhu cầu về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo Phụ lục 04 kèm theo).*

**e) Công nghệ thông tin:** Phát triển, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hiện đại hóa công tác quản lý nhà trường, cụ thể:

- Đến năm 2020 bổ sung thêm các chương trình ứng dụng tin học cho công tác quản lý, bao gồm:

+ Chương trình quản lý đào tạo theo tín chỉ;

+ Chương trình quản lý, số hóa thư viện, thư viện điện tử.

- Bổ sung thêm các máy chiếu Projector cho các giảng đường mới xây dựng (khoảng 80 phòng), bảo đảm 100% các giảng đường, phòng thí nghiệm có máy chiếu Projector; 100% bài giảng được xây dựng bài giảng điện tử.

#### **g) Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ**

Xây dựng Trường Cao đẳng GTVT miền Trung trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học trong một số lĩnh vực khoa học GTVT. Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo và dịch vụ. Mỗi năm có ít nhất 02 hợp đồng chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện và gắn trách nhiệm cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia vào các

hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra đối với đào tạo, sản xuất trong nhà trường và cả nước. Mục tiêu phấn đấu hàng năm:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: 10-15 đề tài/năm.
- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, tỉnh và cấp quốc gia: 2-3 đề tài/năm.

Mở rộng hợp tác, liên kết về nghiên cứu khoa học; tăng cường nguồn lực cho các hoạt động nghiên cứu khoa học. Phấn đấu kinh phí do nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ mang lại cho trường đạt 5-10% tổng kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên của nhà trường.

#### **h) Công tác học sinh, sinh viên**

Đào tạo sinh viên phát triển toàn diện về trí, đức, thể, mỹ, đặc biệt chú trọng phát triển năng lực thực hành, tư duy, sáng tạo đạt chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo của Trường; tăng cường giáo dục đạo đức, tác phong, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật trong sinh viên. Phấn đấu mỗi năm, bồi dưỡng kết nạp 5-10 học sinh, sinh viên vào Đảng Cộng sản Việt Nam; tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm ngay khi tốt nghiệp đạt 90%.

#### **i) Kiểm định - đánh giá chất lượng trường**

Phấn đấu đến năm 2017 đạt chuẩn tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá ngoài chất lượng Trường cao đẳng. Năm 2025 sẽ tiến hành tự đánh giá trường đại học.

#### **k) Huy động nguồn lực, tài chính đủ để thực hiện việc nâng cấp trường thành trường Đại học GTVT miền Trung và duy trì tốt chất lượng đào tạo.**

Phấn đấu đến năm 2020 các nguồn thu từ học phí đạt 50%, các hoạt động nghiên cứu khoa học, liên danh, liên kết, dịch vụ đào tạo và hợp tác quốc tế đạt 30%, từ xã hội hoá đào tạo đạt 10% trở lên trong tổng số kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động đào tạo tại trường.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2030**

Xây dựng Trường trở thành Trường Đại học GTVT miền Trung với quy mô đào tạo trên 5.000 SV, có uy tín trong nước và khu vực về đào tạo chuyên ngành GTVT và các ngành nghề khác, có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, mạnh về đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao cho khu vực và cả nước.

- Phát triển một số ngành mới trình độ đại học các chuyên ngành theo hướng: Ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng; kỹ thuật công trình thủy; đường hầm; giao thông thông minh.

- Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến: Công nghệ kỹ thuật giao thông.
- Đào tạo sau đại học các ngành: Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ Kỹ thuật xây dựng; Kế toán; Quản lý xây dựng; kỹ thuật môi trường.
- Đội ngũ giảng viên: Cân đối về cơ cấu ngành nghề, độ tuổi, trình độ, 100% có trình độ thạc sĩ, trong đó có 20% là tiến sĩ.
- Cơ sở vật chất đạt chuẩn các tiêu chuẩn, tiêu chí của trường đại học.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo**

- Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Chương trình hành động của Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đến cán bộ đảng viên, công nhân viên nhằm thay đổi về nhận thức, tư duy, tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện.

- Phát huy vai trò của Đảng bộ Trường, sự năng động và sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho tất cả cán bộ, giáo viên, công nhân viên và sinh viên, học sinh hiểu rõ về sứ mệnh, tầm nhìn của Trường, thấu hiểu những thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức của Nhà trường trong giai đoạn mới để cùng chung sức phát triển Nhà trường.

- Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong nhà trường, trước hết là trong đội ngũ giáo viên.

- Cấp ủy phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng bộ, nhà trường về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, sinh viên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể để xây dựng nhà trường.

#### **2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học**

Thực hiện công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của nhà trường đối với xã hội; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo.

*a) Đổi mới chương trình đào tạo:*

- Thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp ra trường, các đơn vị sử dụng lao động làm cơ sở để đánh giá chương trình đào tạo nhà trường đáp ứng thực tiễn sản xuất;
- Tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường cao đẳng và đại học trong nước và ngoài nước cùng ngành để điều chỉnh chương trình đào tạo;
- Mời các Doanh nghiệp tham gia đánh giá sinh viên tốt nghiệp, xây dựng chương trình đào tạo, tham gia các hội đồng khoa học, đào tạo của Trường;
- Thực hiện việc chuyển đổi chương trình đào tạo cao đẳng từ niên chế sang học chế tín chỉ kể từ năm học 2015-2016;
- Tăng thời lượng thực hành, ứng dụng trong chương trình đào tạo từ 30% hiện tại lên 40%; giảm thời lượng học lý thuyết tương ứng;
- Thực hiện định kỳ 2 năm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*b) Đổi mới phương pháp giảng dạy:*

- Tổ chức rộng rãi các hội thảo cấp trường, cấp khoa; các cuộc tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy trên nền tảng lấy người học làm trung tâm, đào tạo kỹ năng, tư duy cho người học là cơ bản; phương pháp dạy học tích cực, tích hợp, phương pháp học, làm việc theo nhóm;
- Chuyển đổi mạnh mẽ việc dạy và học chủ yếu là truyền thụ kiến thức một chiều từ thầy sang trò sang phương pháp tự học của học trò là cơ bản. Giảng viên không chỉ là người truyền thụ kiến thức, mà còn là người cố vấn, tổ chức, hướng dẫn học sinh sinh viên tự học;
- Chuyển đổi từ dạy lý thuyết là chủ yếu sang dạy kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và kỹ năng thực hành là chủ yếu;
- Củng cố các cơ sở thực hành, chú trọng rèn luyện kỹ năng thực hành, ứng dụng, làm việc theo nhóm, phát triển năng lực tư duy của người học: “Lấy người học làm trung tâm”, “Học đi đôi với hành”, “Biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo”;
- Trang bị đầy đủ máy tính, đèn chiếu các giảng đường, thư viện các phòng học thực hành, thí nghiệm để đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

*c) Giáo trình giảng dạy:*

- Tổ chức biên soạn, chọn lọc, thẩm định giáo trình giảng dạy, bảo đảm đến năm 2017, 100% môn học thuộc các ngành đào tạo hệ cao đẳng đều có giáo trình

giảng dạy đạt chuẩn, có đầy đủ tài liệu tham khảo cho các chuyên ngành. Đầu năm 2019 bắt đầu tuyển chọn, thẩm định giáo trình cho các ngành dự định mở;

- Đầu tư kinh phí hàng năm để tăng cường sách, giáo trình thư viện, hoàn thiện thư viện điện tử nội bộ nhà trường; hướng dẫn học sinh khai thác tốt nguồn học liệu từ ebook.

#### *d) Cơ sở vật chất*

- Thực hiện Đề án xây dựng cơ sở vật chất giai đoạn I và II nhằm bảo đảm đủ số phòng học, thư viện; hoán đổi vị trí, chức năng của một số phòng thí nghiệm, thực hành;

- Xây dựng dự án đầu tư thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành như phòng thí nghiệm lý, hoá, sức bền vật liệu, phòng thực hành công nghệ cao CNC, phòng thực hành CAD/CAM, phòng thí nghiệm công suất ô tô, kiểm định ô tô, phòng thí nghiệm điện tử cơ bản, thí nghiệm môi trường.

### **3. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan**

- Từ năm học 2015-2016 thực hiện đổi mới các đề kiểm tra, thi học phân, tốt nghiệp của Trường theo hướng chú trọng năng lực phân tích, ứng dụng, sáng tạo giải quyết vấn đề và thái độ nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ; năng lực thực hành, tổ chức tương xứng với trình độ đào tạo; khả năng thích nghi với môi trường làm việc của người học.

- Đề thi, kiểm tra đảm bảo về số lượng, chất lượng, nội dung phù hợp kiến thức trong chương trình giảng dạy; đề án môn học, tốt nghiệp gắn với năng lực ứng dụng, năng lực tổ chức điều hành của thực tiễn sản xuất.

- Mời các doanh nghiệp sản xuất trong và ngoài ngành tham gia đánh giá kết quả tốt nghiệp sinh viên ra Trường.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng đào tạo, tự đánh giá trường và đánh giá theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường.

- Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến của người sử dụng lao động về chất lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường đang làm việc tại đơn vị để đánh giá uy tín, chất lượng của nhà trường và là căn cứ để định hướng phát triển nhà trường.

### **4. Thực hiện các nhiệm vụ góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập**

- Chuyển từ đào tạo theo khả năng của Trường sang đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn với thị trường lao động phù hợp với khả năng, thế mạnh của Trường; coi trọng cả 3 mặt dạy người, dạy chữ, dạy nghề.



- Thực hiện chế độ ưu tiên trong tuyển sinh, đào tạo cử tuyển cho con em các dân tộc ít người, miền núi, hải đảo, các xã có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo: Chính quy, vừa làm vừa học, liên thông, bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu của người học.

**5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng**

- Rà soát, sắp xếp bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả, ưu tiên tuyển dụng giảng viên, đặc biệt có cơ chế thích hợp để thu hút những người có học hàm, học vị cao về công tác tại Trường.

- Hoàn thiện đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập để có thể bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2015.

- Năm học 2014-2015 sửa đổi, bổ sung các văn bản về tổ chức và quản lý, tạo sự thống nhất trong điều hành mọi hoạt động của nhà trường, gồm: Quy chế hoạt động của Đảng bộ và của Nhà trường; Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định tuyển dụng giảng viên, viên chức; Quy định bổ nhiệm cán bộ; Quy chế về hoạt động khoa học công nghệ; Quy định xét thi đua khen thưởng; Định mức công tác của giảng viên; Quy định trang bị, mua sắm và quản lý tài sản; Quy định đối với cán bộ viên chức nhà trường; Quy chế phối hợp giữa Chính quyền, Công Đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Triển khai các chương trình hành động: Cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện Luật phòng chống tham nhũng.

- Ứng dụng các phần mềm tin học trong công tác: Quản lý đào tạo; nhân sự; văn thư, lưu trữ, quản lý thư viện.

- Xây dựng phương án tự chủ về công tác tuyển sinh để áp dụng vào năm 2017.

- Hằng năm thực hiện người học tham gia đánh giá giảng viên, giảng viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, cán bộ quản lý cấp dưới đánh giá cán bộ quản lý cấp trên; tổ chức đối thoại trực tiếp sinh viên với Hiệu trưởng.

- Công khai chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo thực tế để xã hội giám sát; nâng cấp Website của Trường phục vụ công tác đào tạo, tuyên truyền, khai thác thông tin...

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra: Thường xuyên, định kỳ, đột xuất nhằm duy trì nề nếp giảng dạy, ý thức chấp hành quy chế đào tạo, quy định làm việc, học tập, rèn luyện của cán bộ, giảng viên, học sinh – sinh viên.

- Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; xây dựng mô hình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; năm 2017 thực hiện đánh giá ngoài chất lượng Trường tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo**

- Quy hoạch bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp Trường, lãnh đạo các đơn vị giai đoạn (2011-2016); giai đoạn (2016-2021) đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Xây dựng kế hoạch: Tuyển dụng, thỉnh giảng, hợp đồng lao động đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu giảng viên giảng dạy các ngành. Tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên, cán bộ quản lý đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước; thực hiện chuẩn hóa giảng viên để đạt mục tiêu đến năm 2020 mỗi ngành đào tạo có 1-2 giảng viên có trình độ tiến sĩ; 70% có trình độ thạc sĩ; giảng viên có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm để giảng dạy, nghiên cứu, khai thác tài liệu nước ngoài và thực hiện hợp tác quốc tế về đào tạo.

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, có chế độ ưu đãi nhằm thu hút, tuyển dụng được những cán bộ, giảng viên có trình độ cao, những chuyên gia giỏi về trường công tác; thực hiện bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật, kỹ thuật viên có đủ trình độ, nghiệp vụ công tác trong lĩnh vực được phân công đảm nhiệm.

- Tạo điều kiện để giảng viên, cán bộ quản lý tham quan, giảng dạy, học tập ở nước ngoài; mời các chuyên gia quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại Trường; giảng viên của Trường tham gia thỉnh giảng các trường khác, được đi làm việc thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất;

- Phối hợp với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng năng lực giảng viên.

#### **7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo**

- Thực hiện mô hình quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ một phần kinh phí; rà soát, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định số 43/2006/NĐ - CP ngày 25/4/ 2006 của Chính phủ, gắn việc trả tiền lương, thưởng của Trường với hiệu quả công tác của cán bộ viên chức; quan tâm hỗ trợ cán bộ, giảng viên có thu nhập thấp, giảng viên làm nghiên cứu sinh và học ngoại ngữ.

- Xây dựng và công khai dự toán thu, chi ngân sách hàng năm; phân bổ kinh phí đảm bảo chi tiêu thường xuyên, ưu tiên phát triển xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng đội ngũ.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các định mức quản lý về: Vật tư thực tập; quản lý khai thác trang thiết bị; cấp phát vật tư; trang bị mua sắm các phòng làm việc....

- Chủ động phát triển đào tạo, tăng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo chính quy, liên kết, vừa làm vừa học, liên thông; bồi dưỡng ngắn hạn tin học, ngoại ngữ, kỹ năng thực hành chuyên môn; hợp đồng đào tạo với các đơn vị sản xuất; thực hiện các hợp đồng về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết hợp đào tạo với sản xuất, mỗi năm phân đầu tăng nguồn thu 2÷3 tỷ đồng.

- Thực hiện xã hội hoá giáo dục đào tạo tại trường. Trước mắt tập trung triển khai các dự án xã hội hoá như thành lập trung tâm tin học, ngoại ngữ các trung tâm hoạt động dịch vụ.

- Ưu tiên liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín.

- Tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động đầu tư cho hoạt động đào tạo. Triển khai tốt thoả thuận hợp tác 5 năm (2013-2018) với Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 4 (CIENCO 4) về đào tạo nhân lực và hợp tác chuyển giao công nghệ. Sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ của các đơn vị sản xuất cho công tác đào tạo tại trường.

- Thành lập các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp đào tạo.

- Giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí của nhà trường.

### **8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, dạy nghề, đẩy mạnh việc dạy sản xuất**

- Ưu tiên tuyển chọn, bồi dưỡng các cán bộ trẻ, có năng lực, nhiệt tình trong khoa học để kế thừa các cán bộ đầu đàn đã nhiều tuổi; gắn kết đào tạo với nghiên cứu, đào tạo với các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Dành 1% kinh phí chi tiêu thường xuyên hằng năm cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường.

- Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm: Công nghệ kỹ thuật giao thông; Môi trường; Công nghệ kỹ thuật ô tô.

- Hợp tác với một số trường đại học trong khu vực, trên thế giới có tiềm lực về kinh tế, uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học để hỗ trợ đào tạo giảng viên, trao đổi về khoa học công nghệ.

- Hợp tác với một số trường đại học trong nước, các cơ sở sản xuất kinh doanh để trao đổi kinh nghiệm, hợp tác khoa học công nghệ, sử dụng giáo trình, liên kết về đào tạo ...

- Gắn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với công tác xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Xây dựng Quy chế hoạt động khoa học công nghệ của trường, khuyến khích giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; gắn các bài học thực hành, tốt nghiệp của học sinh, sinh viên với sản phẩm thực tế để bổ sung cơ sở vật chất của Trường.

## **9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo**

- Hỗ trợ kinh phí cho giảng viên tham gia các hội thảo quốc gia, quốc tế, đăng kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc gia, quốc tế.

- Tạo điều kiện cho giảng viên đi tham quan, học tập, bồi dưỡng và nâng cao trình độ ở ngoài nước.

- Lựa chọn các trường đại học quốc tế có kinh nghiệm về đào tạo về thực hành ứng dụng để hợp tác quốc tế về đào tạo, thực hiện trao đổi học thuật, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng giảng viên.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện Chiến lược**

### **1. Trường Cao đẳng GTVT miền Trung**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện Chiến lược, báo cáo Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Tổ chức cán bộ) và những cơ quan liên quan những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Xây dựng chương trình hành động hàng năm và 05 năm để thực hiện.

- Định kỳ tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để kịp thời bổ sung, điều chỉnh và đề xuất các giải pháp có tính khả thi, hiệu quả.

### **2. Các Vụ thuộc Bộ Giao thông vận tải**

#### **a) Vụ Tổ chức cán bộ**

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Chiến lược theo đúng tiến độ;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp kết quả định kỳ báo cáo Lãnh đạo Bộ.

b) Vụ Kế hoạch - Đầu tư:

- Chủ trì, hướng dẫn Trường xây dựng các chính sách ưu đãi về đầu tư trong việc thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt các dự án đầu tư phù hợp với lộ trình phát triển Nhà trường theo Chiến lược đề ra.

- Cân đối và tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư, vốn hợp tác phát triển để xây dựng cơ sở vật chất của Trường đảm bảo đạt các mục tiêu của Chiến lược.

c) Vụ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cụ thể về các cơ chế tài chính; cân đối các nguồn lực, bố trí, kết hợp các nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược đã được phê duyệt.

d) Vụ Khoa học - Công nghệ: Chủ trì tham mưu, đề xuất giao cho Trường thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ dưới các hình thức chương trình, đề tài, dự án do Bộ chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ.

đ) Vụ Môi trường: Chủ trì tham mưu, đề xuất giao cho Trường thực hiện nhiệm vụ môi trường dưới các hình thức chương trình, đề án do Bộ chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường.

e) Vụ Hợp tác quốc tế: Chủ trì tham mưu, hỗ trợ Trường trong tìm kiếm, lựa chọn, kết nối các chương trình hợp tác nhằm thu hút các đối tác nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, hỗ trợ kỹ thuật theo định hướng hợp tác của Nhà trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng GTVT miền Trung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Thống*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, TCCB (Ndt).



**Đình La Thăng**



## Phụ lục 01

# DANH MỤC CÁC NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2020

### I. Danh mục các ngành nghề đào tạo

**1. Các ngành Đại học (kể từ năm 2020):** 07 ngành gồm 16 chuyên ngành.

**a) Ngành Công nghệ kỹ thuật Giao thông:** 06 chuyên ngành

- Xây dựng cầu đường bộ
- Xây dựng cầu, đường sắt
- Xây dựng cầu, hầm
- Xây dựng đường bộ
- Xây dựng Đường sắt
- Quản lý xây dựng công trình giao thông

**b) Ngành Công nghệ Kỹ thuật xây dựng:** 02 chuyên ngành

- Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Vật liệu và công nghệ xây dựng

**c) Ngành Quản lý xây dựng:** 01 chuyên ngành

- Kinh tế xây dựng giao thông

**d) Ngành Kế toán:** 02 chuyên ngành

- Kế toán doanh nghiệp
- Kế toán HCSN.

**đ) Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô:** 01 chuyên ngành

- Sửa chữa Ôtô, Máy XD

**e) Ngành Kỹ thuật cơ khí:** 03 chuyên ngành

- Cơ khí ô tô
- Kỹ thuật nhiệt - lạnh
- Máy xây dựng - Xếp dỡ

**g) Ngành Kỹ thuật môi trường:** 01 chuyên ngành

- Kỹ thuật môi trường giao thông

## **2. Các ngành Cao đẳng**

Duy trì và mở mới các chuyên ngành đào tạo ở hệ cao đẳng theo hướng liên thông dọc và ngang, lấy đó làm cơ sở để mở các chuyên ngành đào tạo ở hệ đại học cho những năm 2015-2020.

Hệ cao đẳng: 7 ngành gồm 14 chuyên ngành.

### **a) Ngành Công nghệ kỹ thuật Giao thông: 06 chuyên ngành**

- Xây dựng cầu đường bộ
- Xây dựng cầu, đường sắt
- Xây dựng cầu, hầm
- Quản lý xây dựng công trình giao thông

### **b) Ngành Công nghệ Kỹ thuật xây dựng: 02 chuyên ngành**

- Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Vật liệu và công nghệ xây dựng

### **c) Ngành Quản lý xây dựng: 01 chuyên ngành**

- Kinh tế xây dựng giao thông.

### **d) Ngành Kế toán: 02 chuyên ngành**

- Kế toán doanh nghiệp
- Kế toán HCSN.

### **đ) Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô: 01 chuyên ngành**

- Sửa chữa Ôtô, Máy XD

### **e) Ngành Kỹ thuật cơ khí: 03 chuyên ngành**

- Cơ khí ô tô
- Kỹ thuật nhiệt - lạnh
- Máy xây dựng - Xếp dỡ

### **g) Ngành Kỹ thuật môi trường: 01 chuyên ngành**



## II. Quy mô đào tạo

### 1. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh từ năm 2014-2020

Danh mục	Năm học						
	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1. Hệ Đại học							
+ Đại học chính quy							700
+ Đại học liên thông							0
<b>Tổng</b>							<b>700</b>
2. Hệ Cao đẳng							
+ Cao đẳng chính quy	500	500	700	700	1.000	1.100	800
+ Cao đẳng liên thông	50	100	100	100	100	100	100
<b>Tổng</b>	<b>550</b>	<b>600</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	<b>1.100</b>	<b>1.200</b>	<b>900</b>
3. Hệ Trung cấp chuyên nghiệp	100	100	100	100	100	100	0
4. Đào tạo nghề	400	400	400	400	400	400	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>1050</b>	<b>1050</b>	<b>1300</b>	<b>1300</b>	<b>1600</b>	<b>1700</b>	<b>1600</b>

### 2. Dự kiến quy mô đào tạo đến năm 2020

Danh mục	Năm học							
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
<b>I. Số HS-SV có mặt đầu năm</b>								
1. Hệ Đại học								
+ Đại học chính quy							0	0
+ Đại học liên thông							0	0
<b>Tổng</b>							<b>0</b>	<b>0</b>
2. Hệ Cao đẳng								
+ Cao đẳng chính quy	1.288	1.364	1.350	1.450	1.750	1.950	2.450	2.850
+ Cao đẳng liên thông	65	60	50	100	150	150	150	150
+ Cao đẳng tại chức								
<b>Tổng</b>	<b>1.353</b>	<b>1.424</b>	<b>1.400</b>	<b>1.550</b>	<b>1.900</b>	<b>2.100</b>	<b>2.600</b>	<b>3.000</b>
3. Hệ Trung cấp chuyên nghiệp	327	200	200	200	200	200	200	200
4. Đào tạo nghề	119	355	480	480	480	480	480	580

<b>II. Tuyển mới trong năm</b>								
1. Hệ Đại học								
+ Đại học chính quy								700
+ Đại học liên thông								0
<b>Tổng</b>								<b>700</b>
2. Hệ Cao đẳng								
+ Cao đẳng chính quy	400	500	500	700	700	1.000	1.100	800
+ Cao đẳng liên thông	50	50	100	100	100	100	100	100
<b>Tổng</b>	<b>450</b>	<b>550</b>	<b>600</b>	<b>800</b>	<b>800</b>	<b>1.100</b>	<b>1.200</b>	<b>900</b>
3. Hệ Trung cấp chuyên nghiệp	100	100	100	100	100	100	100	0
4. Đào tạo nghề	450	400	400	400	400	400	400	0
<b>III. Tốt nghiệp hàng năm</b>								
1. Hệ Đại học								
+ Đại học chính quy								
+ Đại học liên thông								
<b>Tổng</b>								
2. Hệ Cao đẳng								
+ Cao đẳng chính quy	324	514	400	400	500	500	700	700
+ Cao đẳng liên thông	55	60	50	50	100	100	100	100
<b>Tổng</b>	<b>379</b>	<b>574</b>	<b>450</b>	<b>450</b>	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>800</b>	<b>800</b>
3. Hệ Trung cấp chuyên nghiệp	227	100	100	100	100	100	100	100
4. Đào tạo nghề	214	275	400	400	400	400	300	300
<b>IV. Số HS-SV có mặt 01/01/năm sau (TS)</b>								
1. Hệ Đại học								
+ Đại học chính quy						0	0	700
+ Đại học liên thông						0	0	0
<b>Tổng</b>						<b>0</b>	<b>0</b>	<b>700</b>
2. Hệ Cao đẳng								
+ Cao đẳng chính quy	1.364	1.350	1.450	1.750	1.950	2.450	2.850	2.950
+ Cao đẳng liên thông	60	50	100	150	150	150	150	150
<b>Tổng</b>	<b>1.424</b>	<b>1.400</b>	<b>1.550</b>	<b>1.900</b>	<b>2.100</b>	<b>2.600</b>	<b>3.000</b>	<b>3.100</b>
3. Hệ Trung cấp chuyên nghiệp	200	200	200	200	200	200	200	100
4. Đào tạo nghề	355	480	480	480	480	480	580	280
<b>Tổng Quy mô HS-SV chính quy</b>	<b>1.979</b>	<b>2.080</b>	<b>2.230</b>	<b>2.580</b>	<b>2.780</b>	<b>3.280</b>	<b>3.780</b>	<b>4.180</b>

## Phụ lục 02

### CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐẾN NĂM 2020

1. Đảng ủy
2. Hội đồng trường
3. Ban Giám hiệu
  - Hiệu trưởng;
  - Các Phó Hiệu trưởng.
4. Công đoàn;
5. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
6. Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
7. Các phòng, ban chức năng:
  - Phòng Đào tạo
  - Phòng khảo thí & đảm bảo chất lượng đào tạo.
  - Phòng Tổ chức - Hành chính
  - Phòng Tài chính - Kế toán
  - Phòng Thanh tra
  - Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ Quốc tế
  - Phòng công tác HS-SV
  - Ban Quản lý Ký túc xá
  - Ban Kế hoạch – Xây dựng
8. Các Khoa:
  - Khoa Công trình
  - Khoa Cơ khí
  - Khoa Kinh tế
  - Khoa Cơ bản
  - Khoa Chính trị
  - Khoa GDTC và GD Quốc phòng.
  - Khoa Môi trường.

## 9. Các Trung tâm:

- Trung tâm Đào tạo & Bồi dưỡng Chuyên môn nghiệp vụ
- Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học
- Trung tâm Tư vấn, thiết kế và kiểm định chất lượng công trình
- Xưởng cơ khí sửa chữa ô tô, máy xây dựng.

**Phụ lục 03**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ ĐẾN NĂM 2020**

TT	Số lượng	Năm							
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Học sinh, sinh viên	<b>1.979</b>	<b>2.080</b>	<b>2.230</b>	<b>2.580</b>	<b>2.780</b>	<b>3.280</b>	<b>3.780</b>	<b>4.180</b>
2	Giảng viên	73	83	89	103	111	131	151	167
3	Thạc sĩ	37	43	49	60	67	81	98	117
	%	50	52	55	58	60	62	65	70
4	Tiến sĩ				2	4	5	8	10
	%				2	4	4	5	6
5	Cán bộ, viên chức	125	134	139	154	159	187	216	239



## Phụ lục 04

# NHU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2020

### I. Các công trình xây dựng chính

TT	Các hạng mục	Quy mô HSSV	Định mức (m <sup>2</sup> /SV)	Diện tích yêu cầu (m <sup>2</sup> )	Diện tích đã có	Yêu cầu bổ sung
1	Diện tích đất	4180	25	104500	65.000	39.500
2	Giảng đường		3	12540	4.780	7.760
3	Phòng thí nghiệm		1	4180	4.300	1.050
4	Thư viện		0,5	2090	450	1.640
5	Khu thực hành		1,5	6270	5.000	
6	Nhà GD TC		0,25	1045	-	1.045
7	Sân học thể thao		0,25	1045	3.200	
8	Sân bóng đá		1,5	6270	4.800	
9	Ký túc xá (dự trừ 50%)		3,5	14630	3.350	11.280
10	Nhà ăn HSSV (dự trừ 30%)		0,8	3344	720	2.624

### II. Các phòng thí nghiệm theo chuyên ngành

TT	Tên phòng	Số lượng yêu cầu	Số lượng đã có	Xây dựng thêm
<b>I</b>	<b>Khoa khoa học cơ bản</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	
1	Phòng thí nghiệm vật lý	1	0	1
2	Phòng thí nghiệm hóa	1	0	1
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	1	1	
<b>II</b>	<b>Cơ sở kỹ thuật</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	
1	Phòng học vẽ trên máy tính	3	3	
2	Phòng thí nghiệm Sức bền vật liệu	1	0	1

<b>III</b>	<b>Chuyên ngành</b>			
<b>3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật giao thông và xây dựng</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	
	<b>Thực tập cơ bản</b>			
1	Thực tập xưởng	1	2	
2	Mô hình dạy và học xây dựng cầu	2	2	
3	Phòng mô hình nhà	1	1	
	<b>Các phòng học chuyên ngành</b>			
1	Phòng thực hành Trắc địa	1	1	
2	Phòng thí nghiệm Bê tông xi măng	1	2	
3	Phòng thí nghiệm Nhựa - Bê tông nhựa	1	0	1
4	Phòng thí nghiệm Địa chất- Cơ học đất	1	1	
5	P. thí nghiệm Dự ứng lực (dùng chung)	1	1	
7	Phòng thí nghiệm Kiểm định cầu đường	1	1	
8	Phòng thí nghiệm Kéo nén vạn năng	1	1	
<b>3.2</b>	<b>Thực tập cơ khí</b>	<b>8</b>	<b>6</b>	
1	Phòng thực hành Gò	1	1	
2	Phòng gia công cơ khí	1	1	
3	Phòng thực hành hàn công nghệ cao	1	2	
5	Phòng thực hành công nghệ CNC	1	0	1
6	Phòng thực hành CAD/CAM	1	0	1
7	Phòng thí nghiệm thủy lực khí nén	1	0	1
8	Phòng thực hành Rèn	1	1	
9	Phòng thực hành Nguội	1	1	
<b>3.3</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật ô tô</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	
2	Phòng thực hành động cơ	1	2	
4	Phòng thực hành Gâm	1	2	
5	Phòng thực hành Điện - nhiên liệu	1	1	
6	Phòng thực hành chẩn đoán, bảo dưỡng	1	2	
7	Phòng thực hành thí nghiệm ô tô	1	1	
8	Phòng thí nghiệm công suất động cơ	1	0	1
9	Phòng thực hành kiểm định ô tô	1	0	1



<b>3.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	
1	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện cơ sở	1	1	
2	Phòng máy điện cơ	1	1	
3	Phòng thí nghiệm Điện tử cơ bản	1	0	1
<b>3.5</b>	<b>Kế toán</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
1	Phòng thực hành kế toán máy	1	1	
<b>3.6</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật môi trường</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	
1	Phòng thí nghiệm môi trường cơ bản	1	0	1
2	Phòng thí nghiệm chuyên ngành	1	0	1
	<b>Cộng</b>	<b>39</b>	<b>33</b>	<b>12</b>

33

